TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HN-ST
Ngày: 02/01/2024
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Huỳnh Hồng Lợi.**

Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng.**

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Ông **Trần việt Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2023/QĐST-HN ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Trần Thị T,** sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Bình Trung, xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Bị đơn: **Lê Xuân T,** sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp Bình Trung, xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Chị T xin vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn CHỊ T trình bày:

Chị và anh T cưới nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Nhựt cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/7/2010. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T lo ăn chơi, không lo làm ăn, không lo gia đình, vợ con, gây nợ rất nhiều lần. Ba mẹ chồng đã bán nhiều tài sản và đất đai để trả nợ cho xã hội đen do anh vay mượn ăn chơi nhiều năm qua. Chị đã khuyên can nhiều lần và cho anh nhiều cơ hội nhưng anh không thay đổi.

Nay, chị xác định không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Thuận yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Trần Mạnh T, sinh ngày 16/7/2011, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có.

* Bị đơn anh Lê Xuân T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh T. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Mạnh T, sinh ngày 16/7/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị T và anh Lê Xuân T tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72 ngày 16/7/2010 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Xuân T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

Nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] Về nội dung:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T nguyên nhân anh T lo ăn chơi, không lo làm ăn, không lo gia đình, vợ con, gây nợ rất nhiều lần. Chị đã khuyên can nhiều lần và cho anh nhiều cơ hội nhưng anh không thay đổi. Xét thấy mâu thuẫn ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục để kéo dài làm ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng. Tòa án nhiều lần mời anh T đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến, điều này thể hiện anh T không còn thiết tha gì đến tình cảm,

hạnh phúc vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn chị T trình bày là có xảy ra. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Lê Trần Mạnh T, sinh ngày 16/7/2011 hiện đang sống với chị . Ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu Tường hiện đang sống vơi chị T, nguyện vọng của cháu mong muốn được sống với mẹ nên cần giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời phát biểu đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: ***Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T.***

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lê Xuân T.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Trần Mạnh T, sinh ngày 16/7/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Thị T phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0011700 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị T

đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyeän GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Ñöông söï;
- UBND xã Thạnh Nhựt;
- Löu hoà sô.